

BÀI 3: LỜI SÔNG NÚI

Môn: Ngữ văn 8; tổng số tiết: 18 (trong đó có: 14 tiết đọc, viết, nói và nghe + 4 tiết: ôn tập, kiểm tra giữa học kì I, trả bài kiểm tra giữa học kì I); (*Từ tiết 25 ->42*)

MỤC TIÊU CHUNG

- Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.
- Liên hệ được nội dung nêu trong VB với những vấn đề của xã hội đương đại.
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp; biết vận dụng trong tiếp nhận và tạo lập văn bản.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống.
- Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.
- Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

TUẦN 7

TIẾT PPCT: 25, 26, 27

ĐỌC VĂN BẢN

HỊCH TƯỞNG SĨ

(Trần Quốc Tuấn)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Học sinh nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Học sinh phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.
- Học sinh liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội hiện nay (đặc biệt là vấn đề xây dựng Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền đất nước); có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

1.2. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của HS biết

phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

2. Phẩm chất: Biết trân trọng, tự hào, lòng biết ơn những người anh hùng dân tộc từ đó vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước.

- **Lồng ghép QP&AN:** Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu bài tập; các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế cho học sinh khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, câu hỏi gợi mở vấn đề, làm việc cá nhân.

c. Sản phẩm: Nội dung câu trả lời của học sinh để đánh giá nhận thức của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Chiếu cho HS xem video Hào khí ngàn năm Trần Quốc Tuấn và Hịch tướng sĩ để trả lời câu hỏi. https://vtv.vn/video/hao-khi-ngan-nam-tran-quoc-tuan-va-hich-tuong-si-phan-1-229113.htm GV1: Sau khi xem xong video Hào khí ngàn năm Trần Quốc Tuấn và Hịch tướng sĩ. Hãy kể tên thêm một số vị tướng nổi tiếng nổi tiếng trong lịch sử nước ta? Theo em, vì sao quân Mông-Nguyên ba lần đem quân xâm lược nước ta đều phải chịu thất bại?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS xem Video xong sau đó gợi mở, dẫn dắt học sinh trả lời câu hỏi và có thể gọi 2 -> 3 học sinh trả lời và chia sẻ trước lớp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS trả lời nội dung câu hỏi 1. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có)</p>	<p>→ Một số vị tướng nổi tiếng nổi tiếng trong lịch sử nước ta: Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, Lý Thường Kiệt, Phùng Hưng, Ngô Quyền,...</p> <p>- Quân Mông-Nguyên ba lần đem quân xâm lược nước ta đều phải chịu thất bại là vì:</p> <p>+ Thắng lợi của ba lần chống quân xâm lược Mông - Nguyên gắn liền với tinh thần hi sinh, quyết chiến quyết thắng của toàn dân ta, mà nòng cốt là quân đội nhà Trần.</p> <p>+ Thắng lợi đó cũng không thể tách rời chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo của vương triều Trần, đặc biệt là vua Trần Nhân Tông và các danh tướng: Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư...</p> <p>Giới thiệu bài mới: Hịch tướng sĩ là một</p>

<p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV lắng nghe trả lời câu hỏi 1 của HS từ đó GV dẫn dắt vào bài học mới.</p> <p style="text-align: center;"><i>(GV ghi tên bài học lên bảng)</i></p>	<p>trong những tác phẩm văn học nổi tiếng của Việt Nam nói về lịch sử hào hùng của dân tộc ta. Tác phẩm thể hiện sự đồng tình của toàn quân, toàn dân Việt Nam trong trận chiến Nguyên-Mông. Đây là bài Hịch nổi tiếng đã được nhiều lần đưa vào đề thi, chúng cũng là niềm tự hào về một thời của dân Việt. Hôm nay chúng ta cùng nhau đi tìm hiểu văn bản Hịch tướng sĩ của <i>Trần Quốc Tuấn</i> nhé!</p>
---	---

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản

- a. **Mục tiêu:** Đọc văn bản *Hịch tướng sĩ* và nắm được thông tin chính về tác giả *Trần Quốc Tuấn*.
- b. **Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, thảo luận nhóm, hợp tác.
- c. **Sản phẩm học tập:** Nội dung câu trả lời của HS để đánh giá hoạt động học tập.
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: Đọc to, rõ ràng lưu loát, thể hiện rõ cảm xúc mãnh liệt của tác giả, GV đọc mẫu phần 1 (từ đầu -> còn lưu tiếng tốt), HS đọc thành tiếng 2 phần còn lại của văn bản. GV hướng dẫn cho HS sử dụng chiến lược đọc: <i>Theo dõi xuyên suốt văn bản.</i> GV: Cho HS đọc những từ ngữ khó phần phụ chú dưới chân trang SGK tr 59, 60, 61, 62.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV đọc mẫu phần 1 (từ đầu -> còn lưu tiếng tốt) cho HS đọc thành tiếng 2 phần còn lại, làm việc cá nhân, sử dụng chiến lược đọc: theo dõi. GV cho HS đọc những từ ngữ khó phần phụ chú dưới chân trang SGK tr 59, 60, 61, 62. (thời gian từ 7 -> 9 phút).</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 HS đọc nối tiếp 2 phần còn lại</p>	<p>I. Đọc tiếp xúc văn bản 1. Đọc và tìm hiểu phần phụ chú</p> <p>→HS có kĩ năng đọc thể loại Hịch và tìm</p>

trong văn bản. Cho 1 vài HS khác nhận xét cách đọc văn bản của bạn (giọng đọc, âm lượng, cử chỉ...)

GV gọi 1 -> 2 HS phân phụ chú dưới chân trang SGK trong văn bản.

GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung phân phụ chú trong văn bản của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chuẩn kiến thức.

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV gọi từ 1 -> 2 HS đọc phần giới thiệu về tác giả, tác phẩm (SGK tr 63)

GV: Qua phần đọc của bạn. Em hãy nêu một vài nét chính về tác giả, tác phẩm *Hịch tướng sĩ*?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, phương pháp gợi mở, nêu vấn đề để tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 vài HS trả lời câu hỏi. Ưu tiên cho HS có tinh thần xung phong phát biểu ý kiến xây dựng bài.

GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chuẩn kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự tìm ý bằng cách hiểu bản thân ghi vào trong vở viết)

hiểu những từ ngữ khó phân phụ chú dưới chân trang SGK từ trang 59 -> 62. .

2. Tác giả, tác phẩm

→ Tác giả: Trần Quốc Tuấn (1231?-1300) còn được gọi là Hưng Đạo Đại Vương.

- Cuộc đời:

+ Ông là danh tướng kiệt xuất của dân tộc. Năm 1285 và năm 1288. Ông chỉ huy quân đội đánh tan hai cuộc xâm lược của quân Nguyên-Mông.

+ Trần Hưng Đạo lập nhiều chiến công lớn: 3 lần đánh tan quân Nguyên - Mông.

+ Tác phẩm nổi bật: Binh thư yếu lược, Đại Việt sử kí toàn thư.

→ Tác phẩm: Bài hịch được viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ 2 năm 1285. Bài hịch được viết nhằm khích lệ tướng sĩ học tập cuốn “Binh thư yếu lược”.

Hoạt động 2: Đọc chi tiết văn bản

a. Mục tiêu

- Học sinh nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

- Học sinh phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.

- Học sinh liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội hiện nay (đặc biệt là vấn đề xây dựng Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền đất nước); có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, hợp tác, cặp đôi, gợi mở, nêu tình huống có vấn đề.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá kết quả học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV1: Dựa vào phần đọc tiếp xúc văn bản. Em hãy cho biết: Nhân vật chính trong văn bản là ai? Phương thức biểu đạt chính là gì? Văn bản thuộc thể loại nào? Thể loại đó được Trần Quốc Tuấn viết ra nhằm mục đích gì?</p> <p>GV2 : Bố cục của văn bản chia làm mấy phần ? Nội dung của mỗi phần là gì ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS làm việc cá nhân, hỏi đáp (1-1), phương pháp đàm thoại gợi mở, nêu tình huống có vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 1 -> 2 HS trả lời câu hỏi 1, ưu tiên cho HS với tinh thần xung phong phát biểu xây dựng bài.</p> <p>GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>GV gọi 1 -> 2 HS trả lời câu hỏi 2.</p> <p>GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của</p>	<p>II. Đọc chi tiết văn bản</p> <p>1. Đọc hiểu hình thức</p> <p>→ Nhân vật chính: Trần Quốc Tuấn</p> <p>- Thể loại: Hịch (thể văn được vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh dùng để kêu gọi hoặc thuyết phục đấu tranh chống thù trong giặc ngoài).</p> <p>- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận</p> <p>- Hịch tướng sĩ mục đích cao nhất Trần Quốc Tuấn muốn hướng tới là: khuyên nhủ các tì tướng phải chăm lo rèn tập võ nghệ, tích cực học tập Binh thư yếu lược do chính Trần Quốc Tuấn soạn.</p> <p>→Bố cục: Có thể chia làm 3 phần</p>

bản thân)

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Em hãy chỉ ra 8 cặp nhân vật lịch sử ở phần đầu của bài Hịch.

GV2: Hãy chỉ ra những điểm chung của các cặp nhân vật lịch sử được nêu ở phần đầu bài hịch.

GV3: Tác giả đã nêu hành động của tám cặp nhân vật lịch sử này để minh chứng điều gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận theo nhóm, chia lớp làm 6 nhóm, nhóm 1, 2 trả lời câu hỏi 1, nhóm 3, 4 trả lời câu hỏi 2, nhóm 5, 6 trả lời câu hỏi 3. Thời gian từ 5 -> 6 phút. Sử dụng phiếu học tập, hỗ trợ HS sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, phân tích, làm mẫu...

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS nhóm 1, 2 lên trình bày kết quả câu hỏi 1.

GV gọi 1 -> 2 HS khác nhận xét, bổ sung kiến thức còn thiếu của bạn.

GV gọi 1 -> 2 HS nhóm 3, 4 lên trình bày kết quả câu hỏi 2.

GV gọi 1 -> 2 HS khác nhận xét, bổ sung kiến thức còn thiếu của bạn.

GV gọi 1 -> 2 HS nhóm 5, 6 lên trình bày kết quả câu hỏi 3.

GV gọi 1 -> 2 HS khác nhận xét, bổ sung kiến thức còn thiếu của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân)

+ Phần 1: Từ đầu -> *còn lưu tiếng tốt* (Nêu gương trung thân, nghĩa sĩ trong sử sách)

+ Phần 2: tiếp -> *ta cũng cam lòng* (Tình hình đất nước và nỗi lòng của chủ tướng)

+ Phần 3: còn lại (Phê phán biểu hiện sai trái và kêu gọi tướng sĩ)

2. Đọc hiểu nội dung

2.1. Nêu gương trung thân, nghĩa sĩ trong sử sách

→ Tám cặp nhân vật lịch sử ở phần đầu của bài Hịch là: **1.** Cao Đế – Kỉ Tín: vua – tôi; **2.** Chiêu Vương – Do Vu: vua – tôi; **3.** Trí Bá – Dự Nhượng: chủ – gia thân; **4.** Tề Trang Công – Thân Khoái: vua – tôi; **5.** Đường Thái Tông – Kính Đức: vua – tôi; **6.** Cảo Khanh – An Lộc Sơn: bề tôi – kẻ thù của vua; **7.** Vương Công Kiên – Nguyễn Văn Lập: chủ tướng – tì tướng; **8.** Cốt Đãi Ngột Lang – Xích Tu Tư: chủ tướng – tì tướng.

→ Những điểm chung của các cặp nhân vật lịch sử được nêu ở phần đầu bài hịch là: Mỗi quan hệ vua (chủ/ chủ tướng) – tôi (gia thân/ tì tướng). Lưu ý, trong các cặp nhân vật có Cảo Khanh – An Lộc Sơn không phải quan hệ vua (chủ/ chủ tướng) – tôi (gia thân/ tì tướng), nhưng chính bởi có quan hệ vua – tôi giữa Đường Minh Hoàng và Nhan Cảo Khanh nên Cảo Khanh đã có những hành động chửi mắng An Lộc Sơn – kẻ thù của Đường Minh Hoàng, tỏ lòng trung nghĩa với vua.

→ Tác giả đã nêu hành động của tám cặp nhân vật lịch sử này để minh chứng cho

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Để khơi gợi những cảm xúc mạnh mẽ trong lòng các tì tướng và thuyết phục họ, Trần Quốc Tuấn đã nhắc đến nhiều hiện tượng trong thực tế. Đó là những hiện tượng nào? (*3 hiện tượng trong thực tế là: Những tội ác của quân giặc như thế nào? Những tình cảm, suy nghĩ, hành động của chủ tướng ra sao? Những việc làm của các tì tướng như thế nào?*)

(Gv cho HS sử dụng phiếu học tập số 1)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm để hoàn thành phiếu học tập số 1. Thời gian từ 7 ->8 phút.

GV đi hỗ trợ các nhóm khi cần sự trợ giúp. Sử dụng phương pháp gợi mở, hợp tác, nêu tình huống có vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 3 -> 4 HS đại diện các nhóm 1, 3, 5, 6 lên trình bày kết quả thảo luận của các nhóm.

GV gọi 2 -> 3 HS đại diện cho nhóm 2, 4 lần lượt lên nhận xét, bổ sung kiến thức cho nhóm các bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (*HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân*)

quan điểm: người bề tôi hết lòng với vua/chủ của mình (trong xã hội phong kiến) để chống lại kẻ thù phi nghĩa là giá trị đạo đức được đòi hỏi tôn vinh. Đây chính là cơ sở, căn cứ cho lập luận của toàn văn bản.

2.2. Tình hình đất nước và nỗi lòng của chủ tướng

→ Nhóm các hiện tượng trong thực tế là:

- Những tội ác của quân giặc:

+ Sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường → coi thường mọi người dân Việt, coi thường chủ quyền của đất nước ta.

+ Sứ giặc chửi mắng triều đình, quan lại → coi thường các bậc đáng kính, coi thường kỉ cương, phép nước.

+ Cậy quyền cậy thế để vơ vét của cải của đất nước ta → hành vi của kẻ cướp.

⇒ *Cảm xúc chủ đạo được khơi gợi trong lòng các tì tướng là: Căm thù giặc.*

- Những tình cảm, suy nghĩ, hành động của chủ tướng:

+ Đau đớn đến không ăn, không ngủ được; khát vọng tiêu diệt, đánh đuổi kẻ thù, dẫu phải hi sinh thân mình → trách nhiệm mỗi người Việt cần phải có trước nguy cơ đất nước bị giặc giày xéo.

+ Cung cấp mọi điều kiện thuận lợi cho các tì tướng trong công việc; chăm lo nâng cao đời sống cho các tì tướng → có ơn với các tì tướng.

+ Chia sẻ buồn vui như những người thân

Nhiệm vụ 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Tác giả đã dùng những bằng chứng và lí lẽ nào để chứng minh các tì tướng đã suy nghĩ, hành động không đúng?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, hỏi đáp, công não, phân tích-tổng hợp.

GV thuyết trình, nêu tình huống có vấn đề, gợi mở cho HS.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 2 -> 3 HS trả lời câu hỏi, ưu tiên cho HS có tinh thần xung phong xây dựng bài học.

GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung kiến thức cho bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của

thiết nhất, sống chết có nhau cùng các tì tướng → có tình, có nghĩa với các tì tướng.

=> *Cảm xúc chủ đạo được khơi gợi trong lòng các tì tướng là:* Muốn báo đáp công ơn của chủ tướng khi chủ tướng cần đến mình.

- Những việc làm của các tì tướng:

+ Làm tì tướng nhưng “nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn” → chưa làm tròn bổn phận (trách nhiệm) của tì tướng với chủ tướng, của một người dân với đất nước.

+ Bản thân tì tướng cũng bị xúc phạm mà không biết căm tức kẻ thù → vô cảm, không biết giữ thể diện, thiếu dũng khí.

+ Mải mê thú vui riêng, chỉ biết chăm lo cho gia đình riêng nhỏ bé → chưa làm tròn bổn phận (trách nhiệm) với đất nước, với cộng đồng, tầm nhìn hạn hẹp.

=> *Cảm xúc chủ đạo được khơi gợi trong lòng các tì tướng là:* Hồ thẹn, muốn sửa chữa những điều bản thân chưa làm đúng

→ Về căn bản, có thể chia thành hai nhóm:

- Nhóm thứ nhất là những bằng chứng trong thực tế (đã xảy ra) chứng minh các tì tướng đã suy nghĩ, hành động không đúng. Những bằng chứng này đã được nêu trong gợi ý ở **nhiệm vụ 3** (nhóm những việc làm của các tì tướng).

- Nhóm thứ hai là những bằng chứng giả định (có thể hoặc chắc chắn sẽ xảy ra) chứng minh các tì tướng đã suy nghĩ, hành động không đúng. Nhóm này tương ứng với đoạn “Nếu có giặc Mông Cổ tràn sang... dẫu các người muốn vui chơi

bản thân)

Nhiệm vụ 5

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Tác giả đã chọn cách diễn đạt như thế nào để lời hịch có sức tác động lớn đến nhận thức và tình cảm của các tù trưởng? Hãy phân tích một ví dụ mà em cho là tiêu biểu cho cách diễn đạt đó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận theo cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn học, thời gian 5 -> 6 phút. GV sử dụng phương pháp nêu vấn đề, phân tích, giải thích, hỏi đáp 1-1.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 3 HS đại diện các cặp đôi lên trả lời yêu cầu của câu hỏi.

GV gọi 1 -> 2 HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung kiến thức cho nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân)

Nhiệm vụ 6

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Với tư cách là chủ tướng, Trần Quốc Tuấn đã dùng những lí lẽ nào để kêu gọi các tù trưởng phải rèn luyện tập võ nghệ, học tập cuốn Binh thư yếu lược, chuẩn bị cho việc đánh giặc, giữ nước?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

phông có được không?": Tác giả đưa ra dự báo hoàn toàn có cơ sở về một loạt hậu quả thảm khốc, nhục nhã nếu các hành động sai trái đó vẫn tiếp diễn.

=> Cả hai nhóm bằng chứng này đều chứng minh rất thuyết phục các tù trưởng đã suy nghĩ, hành động không đúng.

2.3. Phê phán biểu hiện sai trái và kêu gọi tướng sĩ

→ Cách diễn đạt:

- Cách dùng từ ngữ (chẳng những... mà còn: tăng cấp; nên... nên...: đậm chất khuyên nhủ, ân tình;...).

- Cách dùng câu có hình thức hỏi nhưng để khẳng định.

- Cách ngắt nhịp câu văn khi dồn dập, thôi thúc, lúc chậm rãi như tỉ tê tâm sự.

- Cách diễn đạt giàu hình ảnh.

- Cách diễn đạt hô ứng tạo hiệu quả cộng hưởng (do HS chưa học kiểu câu văn biền ngẫu, nên trước mắt chỉ cần giúp HS nhận ra tác dụng, hiệu quả của kiểu câu văn biền ngẫu chứ chưa cung cấp tri thức ngữ văn về kiểu câu này).

→ Về căn bản, các câu văn biền ngẫu trong văn bản đều đáp ứng được phần lớn các giá trị nghệ thuật nêu trên. Tuy nhiên, sau khi chọn được ví dụ tiêu biểu, HS phải phân tích được ví dụ đó để minh họa cho cách diễn đạt đó.

GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm để hoàn thành phiếu học tập số 1. Thời gian từ 7 ->8 phút.

GV đi hỗ trợ các nhóm khi cần sự trợ giúp. Sử dụng phương pháp gợi mở, hợp tác, nêu tình huống có vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 3 -> 4 HS đại diện các nhóm 1, 3, 5, 6 lên trình bày kết quả thảo luận của các nhóm.

GV gọi 2 -> 3 HS đại diện cho nhóm 2, 4 lần lượt lên nhận xét, bổ sung kiến thức cho nhóm các bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng

Nhiệm vụ 7

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV lồng ghép QP&AN: Theo em, qua văn bản *Hịch tướng sĩ* phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm được thể hiện đến ngày nay như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận theo cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn học, thời gian 5 -> 6 phút. GV sử dụng phương pháp nêu vấn đề, phân tích, giải thích, hỏi đáp 1-1.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 3 HS đại diện các cặp đôi lên trả lời yêu cầu của câu hỏi.

GV gọi 1 -> 2 HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung kiến thức cho nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân)

Nhiệm vụ 8

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

→Về căn bản, có ba lí lẽ chính:

- Các tì tướng luôn phải cẩn trọng, không để “mất bò mới lo làm chuồng”. Tác giả đã viện dẫn những câu nói đã trở thành triết lí nhân sinh được người đời đúc rút, không thể chối cãi.

- Các tì tướng nếu chăm rèn tập võ nghệ, học tập binh thư thì có thể trở thành người tài giỏi, đánh bại kẻ thù, đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người, trong đó có chính bản thân các tì tướng: tác giả đã khẳng định các tì tướng sẽ có được rất nhiều lợi ích và những điều tốt đẹp nếu chăm rèn tập võ nghệ, học tập binh thư.

- Các tì tướng chỉ có một lựa chọn là chăm rèn tập võ nghệ, học tập binh thư, nếu không sẽ là kẻ thù của chủ tướng.

→Suốt chiều dài lịch sử, từ khi nhà nước Văn Lang - Âu Lạc ra đời ở thế kỷ thứ III trước công nguyên đến năm 1975, đất nước ta đã mất đến 12 thế kỷ để chiến đấu chống giặc ngoại xâm. Nhưng dân tộc ta không những không bị đồng hóa, mà với lòng tự hào về truyền thống dân tộc, đã không ngừng hun đúc tinh thần yêu nước, đoàn kết để chiến đấu và chiến thắng trước quân thù.

3. Tổng kết văn bản

3.1. Nghệ thuật

<p>GV: Qua phân đọc hiểu văn bản <i>Hịch tướng sĩ</i> em rút ra được nghệ thuật và nội dung của bài hịch này là gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân. GV sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu tình huống có vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS trả lời nội dung câu hỏi yêu cầu. GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội chính lên bảng (HS có thể tự ghi bằng ý hiểu của bản thân).</p>	<p>→Áng văn chính luận xuất sắc. Lập luận chặt chẽ, sắc bén. Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu. Sử dụng biện pháp cường điệu, ẩn dụ.</p> <p>3.2. Nội dung: Bài “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, thể hiện lòng căm thù giặc, ý chí quyết thắng.</p>
--	---

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm/cá nhân: Lớp 8 ...

S TT	Nhóm các hiện tượng trong thực tế	Cảm xúc chủ đạo được khơi gợi trong lòng các tù tướng
1	Những tội ác của quân giặc:
2	Những tình cảm, suy nghĩ, hành động của chủ tướng:

3	Những việc làm của các tỉ tướng:

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, biết đánh giá, nhận xét để kết nối việc đọc hiểu tác phẩm *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, HS làm việc cá nhân.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả học tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Từ bài hịch này, em rút ra được bài học gì cho bản thân khi viết một bài văn nghị luận?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi. Thời gian 3 -> 4 phút. GV đi bao quát lớp, theo dõi HS làm bài tập, hỗ trợ những HS có yêu cầu trợ giúp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS lên trình bày nội dung đề bài yêu cầu. Gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung kiến thức</p>	<p>III. Luyện tập</p> <p>→Gợi ý: Câu hỏi giúp HS có ý thức học hỏi kỹ năng viết bài văn nghị luận. GV cho HS làm việc cá nhân, sau đó tổng kết những bài</p>

còn thiếu cho bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân)	học quan trọng rút ra từ cách hình thành luận đề, triển khai các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản, là những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận.
---	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn kết nối với đọc, củng cố lại kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, trao đổi, chia sẻ, làm việc cá nhân.

c. Sản phẩm học tập: Nội dung câu trả lời của học sinh để đánh giá tiếp thu bài học vận dụng vào viết đoạn văn.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Hãy viết đoạn văn (khoảng 7 → 9 câu) một truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân để viết đoạn văn. Thời gian từ 4 → 5 phút. GV bao quát lớp, theo dõi HS viết đoạn văn.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 → 2 HS lên trình bày bài viết cá nhân. Gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng.</p>	<p>IV. Vận dụng</p> <p>Gợi ý: Đoạn văn cần đáp ứng các yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về nội dung: Trình bày được một nội dung hoàn chỉnh có liên quan trực tiếp đến một truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam. GV có thể gợi ý cho HS chọn một truyền thống đáng tự hào của dân tộc ta: yêu nước, chống ngoại xâm; tương thân tương ái;... - Về hình thức: Viết đoạn văn đủ số câu. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp. Tránh các lỗi về chính tả và dùng từ. Các lí lẽ và bằng chứng phải rõ ràng, phù hợp, có sức thuyết phục.

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: **Thực hành tiếng Việt** (SGK tr 64)

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
ĐOẠN VĂN DIỄN DỊCH VÀ ĐOẠN VĂN QUY NẠP

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Học sinh nắm được đặc điểm, biết nhận diện đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp trong văn bản, hiểu được tác dụng của từng kiểu tổ chức đó trong việc trình bày nội dung đoạn văn, nhất là ở văn bản nghị luận.

- Học sinh biết vận dụng kiến thức về đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp vào việc đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận.

1.2. Năng lực chung (Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của HS biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

2. Phẩm chất: Đoàn kết, yêu thương để có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy (Giáo án); Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, SBT Ngữ văn 8 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế cho học sinh khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời bài tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Khi viết một đoạn văn với chủ đề bất kỳ, em thường đặt câu chủ đề ở đâu? (<i>đầu đoạn văn hay cuối đoạn văn</i>).</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, sử dụng phương pháp hỏi đáp (1-1), gợi mở, phân tích, nêu tình huống có vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p>	<p>→ Khi viết một đoạn văn với chủ đề bất kỳ, thường đặt câu chủ đề ở đầu đoạn văn hoặc cũng có khi đặt ở cuối đoạn văn. Tùy vào mục đích để viết đoạn văn đó cho phù hợp.</p>

<p>GV gọi từ 2 -> 3 HS trả lời câu hỏi. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung kiến thức cho bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.</p> <p style="text-align: center;"><i>(GV ghi tên bài học lên bảng)</i></p>	<p>Giới thiệu vào bài mới: Các em cần nắm được đặc điểm, biết nhận diện đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp trong văn bản, hiểu được tác dụng của từng kiểu tổ chức đó trong việc trình bày nội dung đoạn văn, nhất là ở văn bản nghị luận. Vậy trong tiết học: Thực hành tiếng Việt hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu nội dung này nhé!</p>
---	--

2. Hoạt động 2: Giải quyết vấn đề

a. Mục tiêu

- Học sinh nắm được đặc điểm, biết nhận diện đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp trong văn bản, hiểu được tác dụng của từng kiểu tổ chức đó trong việc trình bày nội dung đoạn văn, nhất là ở văn bản nghị luận.
- Học sinh biết vận dụng kiến thức về đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp vào việc đọc hiểu và tạo lập văn bản nghị luận.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, cá nhân, hỏi đáp, hợp tác, gợi mở.

c. Sản phẩm học tập: Sử dụng phiếu học tập để đánh giá hoạt động học tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc yêu cầu nhận biết đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp. (SGK tr 64, 65). GV cho HS đọc bài tập 1 SGK tr 64 để hoàn thành bài tập. BT1: Tìm câu chủ đề trong 2 đoạn văn (a, b), từ đó, xác định kiểu đoạn văn (diễn dịch, quy nạp). Phân tích tác dụng của từng cách thức tổ chức đoạn văn. <i>(Câu hỏi gợi ý: Theo em, câu nào trong đoạn là câu chủ đề? Vì sao em khẳng định như vậy? Câu chủ đề theo xác định của em khác với những câu còn lại trong đoạn ở chỗ nào?)</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm, nhóm 1, 3, 5 (Bt 1, ý a), nhóm 2, 4, 5 (Bt1, ý b). Thời gian từ 3 ->4 phút.</p>	<p>1. Đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp Bài tập 1 (SGK trang 64)</p> <p>→ Ở đoạn a, câu “Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu</p>

GV hỗ trợ cho HS khi cần có sự trợ giúp và bao quát lớp.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 2 -> 4 HS đại diện các nhóm: 1, 3 (Bt1 ý a), nhóm 2, 4 (Bt1 ý b) lần lượt lên trình bày kết quả thảo luận.

GV gọi 1 vài HS đại diện nhóm 5, 6 lên nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi lên bảng những nội dung cơ bản (*HS có thể tự ghi vào vở viết theo ý hiểu của bản thân*).

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS đọc bài tập 2 SGK tr 64, 65 để hoàn thành yêu cầu bài tập.

BT2: Hãy sắp xếp 4 câu thành đoạn văn diễn dịch, sau đó sắp xếp lại thành đoạn văn quy nạp và cho biết dựa vào cơ sở nào, em sắp xếp như vậy.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, làm việc cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn học. Chia lớp làm 2 dãy bàn (bên phải làm bài tập 3, bên trái làm bài tập 4) thời gian 3 -> 4 phút.

GV hỗ trợ cho các cặp đôi cần sự trợ giúp, gợi mở, phân tích, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS nhóm dãy bàn bên phải lên làm Bt 3.

GV gọi 1 -> 2 HS ở nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

GV gọi 1 -> 2 HS nhóm dãy bàn bên trái lên làm Bt 4.

GV gọi 1 -> 2 HS ở nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

đanh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được!” là câu chủ đề. Câu chủ đề nằm ở cuối đoạn, cho nên đây là đoạn văn quy nạp.

+ Ở đoạn b, câu chủ đề nằm ở đầu đoạn: *“Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc của mỗi trường”*. Vị trí của câu chủ đề cho biết đây là đoạn văn diễn dịch.

- Khi đã có câu chủ đề, các câu tiếp theo có hướng để triển khai. Ví dụ, ở đoạn b, câu chủ đề đã khẳng định đồng phục làm nên bản sắc của mỗi trường, thì hai câu còn lại của đoạn phải làm rõ bản sắc được thể hiện cụ thể như thế nào. Đây là tác dụng của cách tổ chức đoạn văn theo lối diễn dịch.

Bài tập 2 (SGK trang 64, 65)

→ Trong các câu đã được đánh số ở bài tập này, câu (1), (2), (4) nói về đặc điểm và số phận của các nhân vật cụ thể ở một số truyện cổ tích. Riêng câu (3) *“Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo là ước mơ công bằng được nhân dân gửi gắm vào truyện cổ tích”* không đề cập đến nhân vật nào, mà nêu vấn đề có tính chất khái quát, không chỉ đúng với các truyện được nói đến ở đây, mà còn đúng với nhiều truyện cổ tích khác. Đó chính là câu chủ đề. Đặt câu (3) lên đầu, các câu tiếp đó có tính chất giống nhau, không nhất thiết theo trật tự cố định, ta sẽ được đoạn văn diễn dịch. Ngược lại, đặt câu (3) ở cuối, ta sẽ được đoạn văn quy nạp.

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi lên bảng những nội dung cơ bản (HS có thể tự ghi vào vở viết theo ý hiểu của bản thân).

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS đọc bài tập 3 SGK tr 65 để hoàn thành bài tập.

BT3: Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất. (Ilya Ehrenburg (I-li-a Ê-ren-bua)). Hãy xem đây là câu chủ đề, từ đó, viết hai đoạn văn, một đoạn đặt câu chủ đề ở đầu đoạn (diễn dịch) và một câu chủ đề ở cuối đoạn (quy nạp).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân để hoàn thành 2 đoạn văn (diễn dịch và quy nạp).

Thời gian từ 7 -> 9 phút.

GV hỗ trợ cho HS khi cần có sự trợ giúp và bao quát lớp.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 2 -> 4 HS lên trình bày 2 đoạn văn (diễn dịch và quy nạp).

GV gọi 1 vài HS lên nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi lên bảng những nội dung cơ bản (HS có thể tự ghi vào vở viết theo ý hiểu của bản thân).

Nhiệm vụ 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: cho đọc lại phần thông tin trong SGK trang 64, 65 về Nhận biết đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.

GV2: Qua phần tri thức ngữ văn đã được tìm hiểu ở nhà và thực hành tiếng Việt trên lớp. Em hãy cho biết thế nào là đoạn văn diễn dịch? Nêu đặc điểm và chức

Bài tập 3 (SGK trang 65)

Lưu ý: HS cần biết triển khai theo hai cách, để có hai kiểu đoạn văn: diễn dịch và quy nạp. GV hướng dẫn HS phân tích câu chủ đề, để thấy được tình cảm yêu mến, gắn bó với những gì hết sức gần gũi, thậm chí bị xem là tầm thường cũng là yêu nước.

→Đoạn văn mẫu gợi ý:

Yêu một chùm hoa dại không tên bên con đường quen thuộc là yêu nước. Yêu một lối nhỏ vắng vẻ ra bến sông quê hằng ngày là yêu nước. Yêu một tán lá cọ lặng lẽ xoè ra che nắng giữa vườn trưa là yêu nước. Yêu căn bếp nhỏ lặng lẽ toả khói mỗi sớm chiều cũng là yêu nước.

Với các câu nêu trên, đặt câu chủ đề ở đầu (để có đoạn văn diễn dịch) hay ở cuối (để có đoạn văn quy nạp) đều hợp lí.

2. Tri thức tiếng Việt

2.1. Đoạn văn diễn dịch

năng của đoạn văn diễn dịch.

GV3: Qua phân tri thức ngữ văn đã được tìm hiểu ở nhà và thực hành tiếng Việt trên lớp. Em hãy cho biết thế nào là đoạn văn quy nạp? Nêu đặc điểm và chức năng của đoạn văn quy nạp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận theo cặp đôi, trao đổi thông tin với nhau về đoạn văn quy nạp và đoạn văn diễn dịch, thời gian từ 5 -> 6 phút. GV hỗ trợ HS cần trợ giúp, nêu tình huống có vấn đề, gợi mở.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS đọc thông tin trong SGK tr 64, 65.

GV gọi 2 -> 4 HS nêu hiểu biết về đoạn văn quy nạp và đoạn văn diễn dịch; đặc điểm, chức năng, sau đó tìm ví dụ.

GV gọi 1 -> 2 HS nhận xét, bổ sung kiến thức còn thiếu của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi lên bảng những nội dung cơ bản (*HS có thể tự ghi vào vở viết theo ý hiểu của bản thân*).

→Đoạn văn diễn dịch là đoạn văn có câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, những câu tiếp theo triển khai các nội dung cụ thể để làm rõ chủ đề của đoạn văn.

→Đặc điểm, chức năng

- Đặc điểm: Câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn văn và triển khai các nội dung làm rõ chủ đề của đoạn văn.

- Chức năng: Câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn văn phù hợp với văn bản nghị luận.

- Ví dụ: Bài tập 1 câu b.

2.1. Đoạn văn quy nạp

→Đoạn văn quy nạp là đoạn văn triển khai nội dung cụ thể trước, từ đó mới khái quát nội dung chung, được thể hiện bằng câu chủ đề ở cuối đoạn văn.

→Đặc điểm, chức năng

- Đặc điểm: Câu chủ đề được đặt ở cuối đoạn văn, nội dung cụ thể triển khai trước từ đó khái quát nội dung chung.

- Chức năng: Câu chủ đề được đặt ở cuối đoạn văn phù hợp với văn bản nghị luận.

- Ví dụ: Bài tập 1 câu a.

3. Hoạt động 3: Luyện tập và vận dụng

a. Mục tiêu: củng cố lại đặc điểm, chức năng của đoạn văn diễn dịch và quy nạp để vận dụng đúng và hiệu quả để viết đoạn văn diễn dịch và quy nạp trong văn bản nghị luận.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, hợp tác, cặp đôi, gợi mở.

c. Sản phẩm: Kết quả bài tập của học sinh để đánh giá hoạt động học tập.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu) nêu cảm nghĩ của em về một vị anh hùng hào kiệt trong lịch sử theo lối quy nạp hoặc diễn dịch. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	4. Luyện tập và vận dụng

<p>GV cho HS làm việc cá nhân để viết đoạn văn diễn dịch hoặc quy nạp, thời gian từ 6 -> 7 phút. GV bao quát lớp, hỗ trợ HS khó khăn trong học tập, gợi mở, nêu vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 1 -> 2 HS trình bày bài viết đoạn văn của bản thân, ưu tiên cho HS xung phong đọc bài.</p> <p>GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung bài viết đoạn văn của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.</p>	<p>→HS có kỹ năng viết và trình bày đoạn văn diễn dịch hoặc quy nạp theo chủ đề đã gợi ý trước.</p>
--	---

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn văn bản đọc: **Tinh thần yêu nước của nhân dân ta của Hồ Chí Minh**

PHÊ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

GIÁO VIÊN

Đào Văn Dũng

Nguyễn Thị Chúc